

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**



**TRẦN THỊ LƯU TÂM**

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA  
TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

**Mã số: 9.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2019**

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

ODA đã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. ODA được sử dụng với mục đích chủ yếu nhằm nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội. ODA chiếm khoảng 3,5% GDP và 12% tổng vốn đầu tư xã hội đã đóng góp tích cực trong việc kích thích đầu tư, góp phần vào việc duy trì đà tăng trưởng kinh tế. Cho vay lại vốn ODA thông qua các tổ chức tín dụng là một kênh cung ứng vốn hiệu quả cho các dự án, đảm bảo được cơ chế vay và trả nợ, đảm bảo được mục đích sử dụng vốn. Hiệu quả hoạt động cho vay lại vốn ODA tại tổ chức tín dụng không những giúp ngân hàng thực hiện mục tiêu phát triển, khẳng định vai trò và uy tín trong hệ thống tài chính quốc gia cũng như quốc tế, mà còn là cơ sở để Nhà nước cung ứng vốn hiệu quả cho các dự án ODA, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) là tổ chức đầu mối quản lý tài chính phát triển, là công cụ thực thi các chính sách phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước. Giai đoạn 2012 - 2017, cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định, bổ sung vốn đầu tư cho xã hội, đóng góp vào tăng trưởng bền vững nền kinh tế. Dự án sử dụng vốn ODA vay lại qua ngân hàng Phát triển Việt Nam đã tạo ra giá trị thặng dư xã hội, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, an sinh xã hội được đảm bảo. Công tác thu hồi nợ được đảm bảo, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu khá thấp. Tuy nhiên, hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam những năm gần đây là chưa cao. Khả năng giám sát mục đích sử dụng vốn ODA cho vay lại chưa tốt, dẫn đến một số dự án ODA sử dụng vốn sai mục đích, hoạt động không có hiệu quả. Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Kết quả tài chính đối với hoạt động cho vay lại vốn ODA có xu hướng giảm sút...

Xuất phát từ các lý do nêu trên, dưới sự định hướng của các nhà khoa học hướng dẫn, tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu: ***“Nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam”***.

## **2. Tổng quan nghiên cứu của đề tài**

Nghiên cứu tổng quan các công trình về hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại tổ chức tín dụng (TCTD) trong và ngoài nước, tác giả nhận thấy một số vấn đề mà các nghiên cứu trước chưa đề cập hoặc có đề cập nhưng còn khái quát. Đây là khoảng trống mà tác giả lựa chọn để làm sáng tỏ mục tiêu nghiên cứu:

*Thứ nhất*, Đến nay chưa có một công trình nào thực sự đi sâu nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống, hiệu quả kênh cung ứng vốn ODA cho các dự án thông qua tổ chức tín dụng, với cơ chế vay lại và trả nợ nhằm tận dụng và sử dụng hiệu quả vốn ODA trong bối cảnh thu hút nguồn vốn này đang có xu hướng giảm. Cần nghiên cứu nhằm hoàn thiện công cụ và quy trình cho vay lại vốn ODA tại TCTD.

*Thứ hai*, Chưa có công trình nào thực sự nghiên cứu hiệu quả cho vay lại ODA tại các tổ chức tín dụng trên cả hai giác độ là mục tiêu sử dụng vốn ODA vay lại đối với phát triển nền kinh tế và mục tiêu cho vay lại vốn ODA đối với tổ chức tín dụng. Cần nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả cho vay lại vốn ODA đối với TCTD và đối với phát triển kinh tế xã hội (KTXH).

*Thứ ba*, Về mặt thực tiễn, chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá, phân tích hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại các tổ chức tín dụng ở Việt Nam, cũng như tại ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Luận án tiếp cận nghiên cứu hiệu quả cho vay lại vốn ODA trên cả hai giác độ: (1) Hiệu quả đối với phát triển kinh tế xã hội thông qua đầu tư bằng nguồn vốn ODA để phát triển nền kinh tế; và (2) Hiệu quả đối với việc thực hiện mục tiêu của tổ chức tín dụng. Hiệu quả cho vay lại vốn ODA là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh mức độ thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và mục tiêu chiến lược của tổ chức tín dụng.

## **3. Mục tiêu nghiên cứu của Luận án**

Xây dựng hệ thống giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và thực hiện mục tiêu của ngân hàng. Mục tiêu cụ thể của Luận án là hệ thống hóa cơ sở lý luận, nghiên cứu thực tiễn về cho hiệu quả vay lại vốn ODA tại VDB, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp đồng bộ và khoa học cho ngân hàng này.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại TCTD. Luận án nghiên cứu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam nhằm đánh giá thực trạng giai đoạn 2012 - 2017 và đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, Luận án sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học định tính gồm các phương pháp như tra cứu tài liệu, thu thập thông tin, thống kê mô tả, phương pháp tổng hợp, so sánh và phân tích.

#### **6. Những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu**

Với nhiệm vụ xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu, luận giải và đánh giá thực trạng, đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ và khoa học. Đặt ra cho luận án những vấn đề nghiên cứu sau:

1. Hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại các tổ chức tín dụng?
2. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại tổ chức tín dụng dựa trên các giác độ nghiên cứu?
3. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại tổ chức tín dụng?
4. Thực trạng hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam hiện nay? Những tồn tại và nguyên nhân?
5. Các giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam trong thời gian tới?

#### **7. Những đóng góp mới của Luận án**

- *Những đóng góp mới về mặt lý luận:* Luận án đã hệ thống hóa, bổ sung và làm sáng tỏ cơ sở lý luận khoa học về hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại các tổ chức tín dụng. Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới, từ đó rút ra bài học có ý nghĩa cho Việt Nam.

- *Những đề xuất mới rút ra từ kết quả nghiên cứu:* Luận án đã làm nổi bật và sắc nét thực trạng hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2012 - 2017, đánh giá xác đáng về thực trạng nghiên cứu; Trên cơ sở đưa ra quan điểm và định hướng, Luận án đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu

quả cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam. Để giải pháp được thực hiện khả thi, luận án cũng đã kiến nghị các điều kiện thực hiện giải pháp.

## **8. Kết cấu của luận án**

Ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành ba chương:

*Chương 1: Lý luận về hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại các tổ chức tín dụng*

*Chương 2: Thực trạng hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam*

*Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam*

## **CHƯƠNG 1**

### **LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

#### **1.1. CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

##### **1.1.1. Tổng quan về vốn ODA**

ODA là nguồn vốn của nước tiếp nhận được nhà tài trợ nước ngoài viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay với các điều kiện ưu đãi nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho các nước chậm hoặc đang phát triển.

Vốn ODA đóng vai trò quan trọng đối với phát triển KTXH của các nước tiếp nhận, giúp các nước tiếp nhận: (1) tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu; (2) tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công; (3) thực hiện công cuộc xóa đói nghèo; (4) bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; (5) tăng cường năng lực con người; phát triển công nghệ; (6) cải cách hành chính, xây dựng hệ thống pháp luật; và (7) làm lành mạnh cán cân thanh toán quốc tế.

##### ***Phương thức tài trợ vốn ODA cho dự án***

ODA được chính phủ nhận viện trợ hoặc đứng ra vay nhà tài trợ nước ngoài, dùng đầu tư các dự án phát triển. Phương thức tài trợ vốn đối với dự án ODA bao

gồm: (1) cấp phát; (2) cho vay lại. Căn cứ vào tính chất của dự án ODA, điều kiện KTXH, mức độ ưu đãi, Chính phủ sẽ áp dụng cơ chế tài trợ đối với dự án.

### 1.1.2. Cho vay lại vốn ODA tại các tổ chức tín dụng

#### 1.1.2.1. Khái niệm

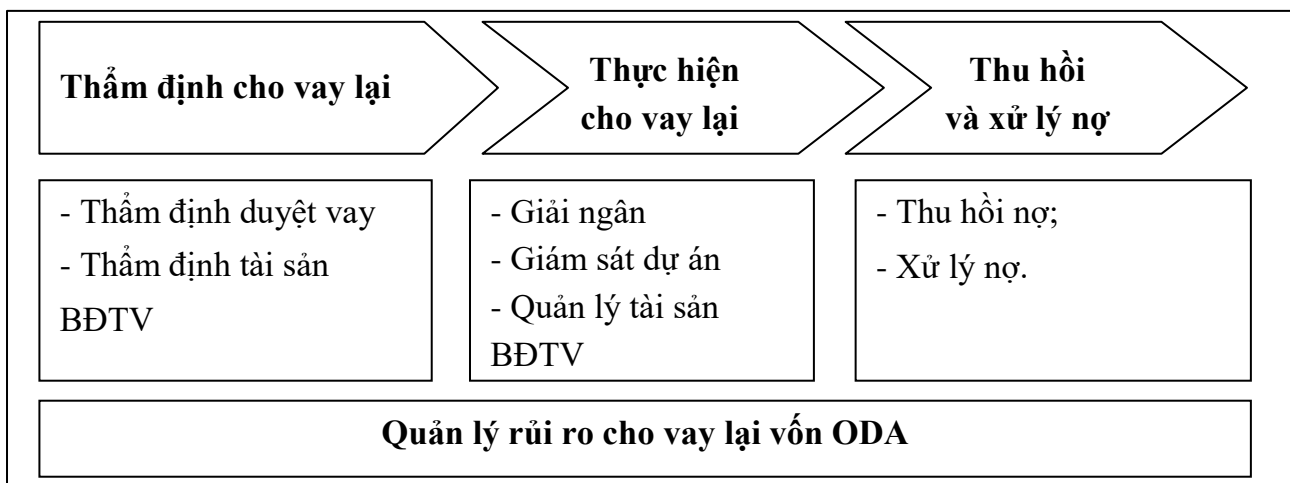
Tổ chức tín dụng (TCTD) với vai trò là trung gian cầu nối cho vốn vay ODA của Chính phủ, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các dự án ODA thành công và hiệu quả. Khái niệm về cho vay lại vốn ODA cũng được nhiều tác giả nghiên cứu đề cập theo nhiều phạm vi khác nhau.

Tác giả cho rằng: *Cho vay lại vốn ODA được hiểu là các tổ chức tín dụng nhận ủy thác của Chính phủ thực hiện cho vay lại các dự án ODA theo chỉ định của Chính phủ hoặc vay lại vốn ODA từ Chính phủ để cho vay lại các chương trình, hợp phần tín dụng của dự án sử dụng vốn ODA nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi cho quốc gia. TCTD cho vay lại vốn ODA phải chịu trách nhiệm quản lý khoản vay lại, tài sản bảo đảm tiền vay (BĐTV), thu hồi nợ vay và thực hiện chế độ báo cáo đối với dự án sử dụng vốn ODA vay lại với Chính phủ.*

#### 1.1.2.2. Hình thức cho vay lại vốn ODA

Cho vay lại vốn ODA tại các TCTD cho các dự án được thực hiện theo một trong hai hình thức thức gồm: (1) TCTD không chịu rủi ro tín dụng (RRTD); và (2) TCTD chịu RRTD.

#### 1.1.2.3. Quy trình cho vay lại vốn ODA



Sơ đồ 1.1: Quy trình cho vay lại vốn ODA

## 1.2. HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG

### 1.2.1. Khái niệm về hiệu quả cho vay lại vốn ODA

Hiệu quả là một phạm trù được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, xã hội. Khi nghiên cứu hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại các TCTD, luận án phân tích trên hai giác độ: (1) Mục tiêu sử dụng vốn ODA để phát triển kinh tế xã hội; (2) Mục tiêu cho vay lại vốn ODA của TCTD.

Tác giả cho rằng: *Hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại các TCTD là phạm trù kinh tế phản ánh mức độ đạt được mục tiêu của nhà nước đối với phát triển KTXH và mục tiêu của TCTD thông qua việc cho các cơ quan và tổ chức kinh tế vay lại một phần hoặc toàn bộ vốn ODA để thực hiện dự án đầu tư.*

### 1.2.2. Sự cần thiết nâng cao hiệu quả cho vay lại ODA

*Thứ nhất*, vai trò của ODA đối với phát triển nền kinh tế

*Thứ hai*, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý của TCTD

### 1.2.3. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay lại vốn ODA

#### 1.2.3.1. Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đối với tổ chức tín dụng

##### (1) Tăng trưởng dư nợ cho vay lại vốn ODA

Để đánh giá tăng trưởng dư nợ cho vay lại ODA nhằm phân tích hiệu quả đối với hoạt động của TCTD, tác giả sử dụng các chỉ tiêu sau:

- *Tăng trưởng vốn ODA cam kết cho vay lại* theo hợp đồng tín dụng.

$$\text{Tăng trưởng vốn ODA cam kết CVL} = \frac{\text{Vốn ODA cam kết CVL năm nay} - \text{Vốn ODA cam kết CVL năm trước}}$$

Chỉ tiêu này cao chứng tỏ quy mô cho vay lại ODA của TCTD được tăng trưởng và hoạt động này ngày càng được mở rộng.

- *Tốc độ tăng trưởng giải ngân vốn ODA.*

$$\text{Tốc độ tăng trưởng giải ngân vốn ODA (\%)} = \frac{\text{ODA giải ngân năm nay} - \text{ODA giải ngân năm trước}}{\text{Vốn ODA giải ngân năm trước}} \times 100\% \quad (13)$$

Chỉ tiêu này dùng để so sánh sự tăng trưởng giải ngân vốn ODA hàng năm để đánh giá khả năng cho vay lại. Chỉ tiêu này cho biết tiến độ giải ngân vốn ODA so với kế hoạch của TCTD hoặc kế hoạch của Nhà nước giao.

- *Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay lại vốn ODA.*

$$\frac{\text{Tốc độ tăng trưởng dư nợ CVL vốn ODA (\%)}}{\text{CVL vốn ODA (\%)}} = \frac{\text{Dư nợ năm nay} - \text{Dư nợ năm trước}}{\text{Dư nợ CVL vốn ODA năm trước}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này dùng để so sánh sự tăng trưởng dư nợ cho vay lại vốn ODA qua các năm để đánh giá khả năng cho vay của TCTD. Chỉ tiêu càng cao thì mức độ cho vay lại của TCTD càng ổn định, có hiệu quả và ngược lại.

- *Mức độ thực hiện kế hoạch tăng trưởng vốn ODA cho vay lại.*

$$\frac{\text{Mức độ thực hiện kế hoạch tăng trưởng vốn ODA}}{\text{tăng trưởng vốn ODA}} = \frac{\text{Vốn ODA CVL thực tế}}{\text{Vốn ODA CVL theo kế hoạch}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này dùng để đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch tăng trưởng vốn ODA cho vay lại của TCTD.

## **(2) Chất lượng tín dụng cho vay lại vốn ODA**

- *Tỷ lệ thu hồi nợ khoản vay ODA đến hạn.*

$$\frac{\text{Tỷ lệ thu hồi nợ khoản vay ODA đến hạn (\%)}}{\text{ODA đến hạn (\%)}} = \frac{\text{Số nợ vốn ODA thu hồi}}{\text{Tổng dư nợ ODA đến hạn}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá khả năng thu hồi nợ vốn ODA các khoản cho vay lại, khả năng đôn đốc thu hồi nợ của TCTD. Đây là chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả trong việc thu nợ, hiệu quả trong việc lập kế hoạch cho vay lại vốn ODA của ngân hàng.

- *Tỷ lệ nợ quá hạn.*

$$\frac{\text{Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay lại vốn ODA (\%)}}{\text{cho vay lại vốn ODA (\%)}} = \frac{\text{Nợ quá hạn cho vay lại ODA}}{\text{Tổng dư nợ ODA cho vay lại}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này được dùng để đánh giá chất lượng tín dụng cũng như RRTD tại TCTD. Tỷ lệ nợ quá hạn càng cao thể hiện chất lượng cho vay lại vốn ODA của ngân hàng càng kém và ngược lại.

- *Tỷ lệ nợ xấu.*

$$\frac{\text{Tỷ lệ nợ xấu cho vay lại vốn ODA (\%)}}{\text{cho vay lại vốn ODA (\%)}} = \frac{\text{Nợ xấu cho vay lại vốn ODA}}{\text{Tổng dư nợ vốn ODA cho vay lại}} \times 100\%$$



Tỷ lệ nợ xấu càng cao thì chất lượng tín dụng của TCTD càng kém, mức độ rủi ro CVL vốn ODA càng lớn, khả năng thu hồi khoản vay của TCTD càng giảm.

- *Tỷ lệ dự phòng rủi ro so với nợ xấu.* Chỉ tiêu này được sử dụng cho khoản cho vay lại ODA theo hình thức TCTD chịu RRTD:

$$\frac{\text{Tỷ lệ dự phòng rủi ro so với nợ xấu (\%)}}{\text{so với nợ xấu (\%)}} = \frac{\text{Số quỹ DPRR CVL vốn ODA}}{\text{Nợ xấu cho vay lại vốn ODA}} \times 100\% \quad (17)$$

Tỷ lệ dự phòng rủi ro so với nợ xấu phản ánh sự chuẩn bị của TCTD trước những tổn thất rủi ro cho vay lại ODA theo hình thức TCTD chịu RRTD, tỷ lệ này càng cao thì khả năng đảm bảo trước những tổn thất về vốn càng lớn.

### **(3) Lợi nhuận từ hoạt động cho vay lại vốn ODA của TCTD**

- *Kết quả tài chính từ hoạt động cho vay lại vốn ODA.*

$$\frac{\text{Kết quả cho vay lại ODA}}{\text{cho vay lại ODA}} = \frac{\text{Thu nhập từ cho vay lại vốn ODA}}{\text{cho vay lại vốn ODA}} - \text{Chi phí} \quad (18)$$

Kết quả hoạt động cho vay lại vốn ODA của TCTD là chỉ tiêu để đánh giá khả năng tạo ra thu nhập và sinh lời từ hoạt động này.

- *Mức độ tăng trưởng thu nhập từ hoạt động cho vay lại vốn ODA.*

$$\frac{\text{Mức độ tăng trưởng thu nhập (\%)}}{\text{thu nhập (\%)}} = \frac{\text{Thu nhập từ CVL ODA năm nay}}{\text{Thu nhập từ CVL ODA năm trước}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ khả năng quản lý khoản vay ODA của TCTD càng được tăng cường và có hiệu quả.

#### **1.2.3.2. Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội**

Hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại TCTD trên góc độ thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, bao gồm tổng thể hiệu quả của các dự án ODA.

**(1) Giá trị gia tăng thuần.** Đây là chỉ tiêu cơ bản biểu thị cho toàn bộ các ảnh hưởng của dự án, lĩnh vực sử dụng vốn ODA đối với nền kinh tế.

$$\frac{\text{Giá trị gia tăng thuần}}{\text{thuần}} = \frac{\text{Giá trị đầu ra}}{\text{đầu ra}} - \frac{\text{Giá trị đầu vào}}{\text{đầu vào}} - \frac{\text{Vốn đầu tư}}{\text{đầu tư}}$$

Chỉ tiêu này cho biết mức đóng góp trực tiếp của dự án ODA cho tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ sự đóng góp của dự án vào tăng trưởng kinh tế càng lớn, hoạt động đầu tư càng hiệu quả và ngược lại.

## (2) Giá trị gia tăng gián tiếp

Hiệu quả KTXH phải đánh giá trên cả phương diện mối quan hệ nhân quả giữa dự án ODA và thu hút nguồn lực khác để phát triển kinh tế xã hội. Dự án ODA ngoài việc tạo ra giá trị gia tăng của nó, còn góp phần thu hút những dự án khác, hiện đại hoá hoặc mở rộng các đơn vị đang hoạt động và đem lại những lợi ích khác.

- + Tổng giá trị gia tăng do thu hút vốn đầu tư vào khu vực, địa phương;
- + Giá trị gia tăng bổ sung của những dự án có liên quan;
- + Giá trị tăng thêm của các đơn vị trong phạm vi dự án;
- + Lợi ích của kinh tế hộ gia đình được tạo ra...

## (3) Thu nhập hàng năm của người lao động

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập của} \\ \text{người lao động} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền} \\ \text{lương} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Bảo hiểm} \\ \text{xã hội} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thu} \\ \text{nhập khác} \end{array}$$

Dự án ODA tạo ra thu nhập cho người lao động để nâng cao chất lượng cuộc sống, càng thể hiện sự đóng góp trên phương diện hiệu quả xã hội và ngược lại.

## (4) Giá trị thặng dư xã hội hàng năm

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thặng dư} \\ \text{xã hội năm } i \end{array} = \begin{array}{l} \text{GTGT thuần} \\ \text{năm } i \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{người lao động năm } i \end{array}$$

Giá trị thặng dư xã hội càng lớn thì hiệu quả KTXH của dự án càng cao, sự đóng góp của cho vay lại vốn ODA vào tăng trưởng nền kinh tế càng lớn.

## (5) Đóng góp vào thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm

- Nhóm hiệu quả tuyệt đối bao gồm các chỉ tiêu: (1) Tổng số lao động lành nghề và không lành nghề cần thiết cho dự án ODA; (2) Tổng số lao động của dự án liên quan tăng lên (hoặc giảm đi) do dự án mới ra đời; (3) Tổng số lao động lành nghề và không lành nghề tăng lên cho khu vực kinh tế.

- Nhóm hiệu quả tương đối bao gồm các chỉ tiêu phản ánh số việc làm được tạo ra trên một đơn vị vốn ODA cho vay lại: (1) Số việc làm trực tiếp cho lao động trên một đơn vị vốn đầu tư; (2) Số việc làm gián tiếp trên một đơn vị vốn đầu tư; (3) Số việc làm toàn bộ cho lao động trên một đơn vị vốn ODA cho vay lại.

### **(6) Đóng góp vào thực hiện mục tiêu phân phối thu nhập**

Giá trị gia tăng được tạo ra trong các dự án được phân phối khác nhau giữa các nhóm dân cư trong xã hội cũng như giữa các vùng lãnh thổ. Cơ cấu phân phối GTGT của dự án tác động điều tiết thu nhập. Cơ cấu này được thể hiện qua các chỉ tiêu:

- GTGT phân phối hàng năm cho các nhóm đối tượng khác nhau;
- Tỷ trọng GTGT phân phối hàng năm cho từng nhóm đối tượng trên tổng giá trị tăng thêm hàng năm.

### **(7) Đánh giá tác động đối với bảo vệ môi trường**

Đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của dự án ODA trên các phương diện:

- + Thay đổi điều kiện hệ sinh thái;
- + Mức độ ô nhiễm môi trường;
- + Tác động đến các cảnh quan môi trường thiên nhiên, tiềm năng du lịch;
- + Ảnh hưởng đến những giá trị văn hoá truyền thống.

### **(8) Các tiêu chí khác đánh giá hiệu quả cho vay lại vốn ODA**

(i) Tác động đến chính sách cơ cấu kinh tế: Vốn ODA cho vay lại đối với từng lĩnh vực cho thấy sự tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của ngành đó, tạo đà phát triển khu vực, địa phương, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

$$\text{Tỷ trọng cho vay lại theo ngành kinh tế (\%)} = \frac{\text{Vốn ODA CVL từng lĩnh vực}}{\text{Tổng vốn ODA cho vay lại}} \times 100\%$$

(ii) Tác động đến dịch vụ xã hội và giảm nghèo.

## **1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay lại vốn ODA**

### **1.2.4.1. Nhóm nhân tố khách quan**

- Định hướng phát triển kinh tế và xã hội;
- Quan hệ hợp tác phát triển và chính sách của nhà tài trợ quốc tế;
- Hệ thống pháp luật về cho vay lại vốn ODA;
- Năng lực sử dụng vốn ODA vay lại của chủ đầu tư.

### **1.2.4.2. Nhóm nhân tố chủ quan**

- Cơ chế cho vay lại vốn ODA tại tổ chức tín dụng;

- Uy tín và xếp hạng tín nhiệm của tổ chức tín dụng
- Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;
- Năng lực chuyên môn và quản lý của cán bộ cho vay lại vốn ODA;
- Cơ sở vật chất kỹ thuật hỗ trợ cho vay lại vốn ODA.

### **1.3. KINH NGHIỆM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

Nghiên cứu nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại TCTD của các quốc gia trên thế giới, điển hình như Malaysia, Trung Quốc và Thái Lan. Luận án rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, Quy trình cho vay lại vốn ODA đối với nhà nước và TCTD.

*Thứ hai*, Hoàn thiện công cụ cho vay lại vốn ODA.

*Thứ ba*, Đánh giá hiệu quả xã hội của dự án đầu tư bằng vốn vay ODA.

*Thứ tư*, Tăng cường giám sát đảm bảo vốn ODA cho vay lại được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

*Thứ năm*, Thu hồi nợ khoản vay và quản lý rủi ro.

*Thứ sáu*, Đảm bảo hiệu quả tài chính trong cho vay lại vốn ODA.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

#### **2.1. CHO VAY LẠI ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

##### **2.1.1. Tổng quan về Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

VDB là một định chế tài chính quan trọng cung cấp nguồn lực tài chính cho nền kinh tế, đảm bảo cho hoạt động ĐTPPT được chuyên nghiệp và hiệu quả hơn nhằm phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với các cam kết của Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế. VDB có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ 30.000 tỷ đồng, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. VDB được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, được Chính Phủ đảm

bảo khả năng thanh toán, không phải dự trữ bắt buộc và tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN.

Bộ máy quản lý của VDB được tổ chức theo hệ thống ngành dọc, thực hiện nhiệm vụ thống nhất từ Hội sở chính đến các đơn vị thuộc và trực thuộc.

### **2.1.2. Khái quát về vốn ODA cho vay lại tại VDB**

Vốn ODA cho vay lại chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng tài sản nghiệp vụ của VDB và tăng trưởng hàng năm. Giai đoạn 2012 - 2017, VDB cho vay lại khoảng 60,47 % tổng vốn ODA Việt Nam ký kết. Tính đến năm 2017, VDB đang quản lý 447 dự án, vốn cam kết 14.507 triệu USD, dư nợ tương đương 155.951 tỷ đồng.

### **2.1.3. Hình thức cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam**

Tại VDB, hoạt động cho vay lại vốn ODA được thực hiện theo hai hình thức là (1) VDB không chịu rủi ro tín dụng và (2) VDB chịu rủi ro tín dụng. Giai đoạn 2012 - 2017, VDB thực hiện cho vay lại theo hình thức không chịu RRTD bình quân đạt khoảng 99,1%, vốn ODA cho vay lại theo hình thức VDB chịu RRTD chỉ đạt 0,9%.

### **2.1.4. Quy trình cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam**

Quy chế cho vay lại vốn ODA của VDB được xây dựng căn cứ trên hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước liên quan đến quản lý vốn nước ngoài. Trước năm 2017, cho vay lại vốn ODA được thực hiện theo Quy chế ban hành theo Quyết định số 63/QĐ-HĐQL ngày 19/12/2008 và Quyết định số 88/QĐ-HĐQL ngày 31/10/2013 của VDB. Kể từ tháng 6/2017, hoạt động cho vay lại vốn ODA tại VDB được thực hiện theo Quy chế cho vay lại vốn vay nước ngoài ban hành theo quyết định số 145/QĐ-HĐQT ngày 15/5/2017 của Hội đồng quản trị VDB.

## **2.2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

### **2.2.1. Hiệu quả đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

#### **2.2.1.1. Tăng trưởng dư nợ cho vay lại vốn ODA**

Quy mô cho vay lại vốn ODA tại VDB giai đoạn 2012 - 2017 có sự tăng trưởng khá tốt. Bình quân vốn ODA cam kết cho vay lại theo hợp đồng tín dụng hàng năm khoảng 13.176 triệu USD/năm. Tốc độ tăng trưởng vốn ODA cho vay lại đạt

bình quân khoảng 7,18%/năm. Những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay lại vốn ODA là khá thấp và có xu hướng giảm.

Giai đoạn 2012 - 2017, tình hình thực hiện kế hoạch vốn ODA cam kết cho vay lại theo hợp đồng tín dụng là khá tốt. Bình quân giai đoạn này đạt 95,2% kế hoạch đề ra, chứng tỏ VDB đã làm tương đối tốt từ khâu lập kế hoạch, đến triển khai thực hiện mục tiêu tăng trưởng tín dụng vốn ODA cho vay lại. Tuy nhiên, mức độ thực hiện kế hoạch hàng năm có xu hướng giảm trong những năm gần đây.

### **2.2.1.2. Chất lượng cho vay lại vốn ODA**

#### **(1) Tốc độ tăng trưởng giải ngân vốn ODA**

Giai đoạn 2012 - 2017, tốc độ tăng trưởng giải ngân vốn ODA bình quân hàng năm đạt khoảng 39,5%. Năm 2017, mức giải ngân vốn ODA tại VDB đạt 35.248 tỷ đồng, tăng hơn 1,93 lần so với năm 2012 và tăng 1,34 lần so với năm 2016.

#### **(2) Tỷ lệ thu hồi nợ khoản vay ODA đến hạn**

Tỷ lệ thu hồi nợ gốc cho vay lại vốn ODA giai đoạn 2012 - 2017 có xu hướng giảm, bình quân khoảng 81%. Mặc dù số tiền thu hồi nợ gốc vốn ODA tăng lên hàng năm nhưng so sánh với số nợ gốc đến hạn thì cho thấy công tác thu hồi nợ vốn ODA tại VDB vẫn chưa đạt được kết quả tốt. Năm 2012, chỉ tiêu này là 85,6% thì ở năm 2016 chỉ đạt khoảng 75,4%, năm 2017 là 79,1%. Một số dự án trọng điểm kinh tế trả nợ không đầy đủ và đúng thời hạn. Điển hình như dự án xây dựng cầu Thanh Trì và đoạn tuyến Nam vành đai III Hà Nội vay vốn ODA Nhật Bản; dự án thủy lợi Phước Hòa vốn vay ADB và AFD; dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng vốn Nhật Bản; dự án Xây dựng giai đoạn 1 công trình Đại Phà Ngãi - Sóc Trăng vốn Đan Mạch.

#### **(3) Tỷ lệ nợ quá hạn**

Trong giai đoạn 2012 - 2017, tỷ lệ nợ quá hạn bình quân hàng năm khoảng 1,35%. Trong nợ quá hạn, tỷ lệ nợ gốc quá hạn chiếm bình quân khoảng 69,6%. Tỷ lệ nợ quá hạn trong hoạt động cho vay lại vốn ODA tại VDB thấp, tuy nhiên lại có xu hướng tăng lên qua các năm. Nếu phân tích theo hình thức chịu RRTD đối với hoạt động cho vay lại. Năm 2016 có 50 dự án ODA bị phát sinh nợ quá hạn, trong đó cho vay lại theo hình thức VDB không chịu RRTD là 46 dự án với nợ gốc quá hạn là

2.597,9 tỷ đồng (tương đương 1,69%) và 4/38 dự án ODA do VDB chịu RRTD với nợ gốc quá hạn là 44,53 tỷ đồng (tương đương 2,74%). Năm 2017 có 43/441 dự án cho vay lại, VDB không chịu RRTD phát sinh nợ gốc quá hạn là 2.159 tỷ đồng, tương đương 1,38% so với dư nợ vốn vay nước ngoài theo ủy quyền.

#### **(4) Tỷ lệ nợ xấu**

Năm 2017, nợ xấu cho vay lại vốn ODA của VDB là 4.242 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,72% so với dư nợ ODA. Tỷ lệ nợ xấu bình quân giai đoạn 2012 - 2017 là khoảng 2,91%. Nếu so sánh với tỷ lệ nợ xấu theo khuyến cáo của BCBS, chỉ tính riêng cho vay lại vốn ODA, tỷ lệ nợ xấu tại VDB thấp hơn ngưỡng an toàn theo chuẩn mực quốc tế và quy định của NHNN Việt Nam. Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm giai đoạn trước năm 2015, nhưng lại bắt đầu tăng lên kể từ năm 2015 đến nay.

#### **(5) Tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay lại so với nợ xấu.**

Tỷ lệ dự phòng rủi ro so với nợ xấu đối với cho vay lại vốn ODA theo hình thức VDB chịu RRTD là rất thấp và có xu hướng giảm. Giai đoạn 2012 - 2017, tỷ lệ này chỉ đạt bình quân hàng năm khoảng 18%.

### **2.2.1.3. Kết quả tài chính từ hoạt động cho vay lại vốn ODA**

Trong giai đoạn 2012 - 2017, cho vay lại vốn ODA và vốn vay nước ngoài đã mang lại thặng dư cho VDB. Tuy nhiên, bên cạnh quy mô hoạt động tăng lên, thì tốc độ tăng trưởng kết quả tài chính hàng năm bị giảm sút đáng kể. Kết quả cho vay lại năm 2017 đạt khoảng 179,96 tỷ đồng, giảm khoảng 64,85 tỷ so với năm 2012. Bình quân mỗi năm giảm khoảng 10,8 tỷ, tương đương 4,5%/năm. Điều này cho thấy, hiệu quả tài chính đối với hoạt động cho vay lại vốn ODA tại VDB chưa cao.

## **2.2.2. Hiệu quả đối với phát triển kinh tế xã hội**

### **2.2.2.1. Tổng quan về dự án sử dụng vốn ODA cho vay lại qua VDB**

#### **Cơ cấu vốn ODA theo lĩnh vực**

Giai đoạn 2012 - 2017, vốn ODA cho vay lại tại VDB được tập trung đầu tư cho các dự án thuộc các lĩnh vực hạ tầng công nghiệp và dịch vụ. Tỷ lệ vốn ODA giải ngân vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt bình quân khoảng 96,4% và có xu hướng tăng dần. Trong các lĩnh vực sử dụng vốn ODA cho vay lại, lĩnh vực điện

chiếm tỷ trọng lớn nhất (50,6%), tiếp theo là các lĩnh vực xây dựng, cơ sở hạ tầng đô thị (17,8%), cấp thoát nước (14%), giao thông vận tải (12%)... Vốn ODA cho vay lại tại VDB đã bổ sung một lượng vốn lớn cho đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội.

### **Cơ cấu vốn ODA cho vay lại theo Nhà tài trợ**

Số vốn vay ODA tại VDB hiện nay được tài trợ bởi 24 nhà tài trợ song phương và đa phương, hơn 90% vốn ODA cho vay lại thuộc về 6 nhà tài trợ lớn là ADB, WB, JBIC, KfW, AFD và KEXIM. Nhật Bản là nhà tài trợ song phương lớn nhất với tỷ lệ 34%, tiếp theo là Hàn Quốc với tỷ lệ 3,5%, Trung Quốc 2%, Pháp 1,5%. WB tài trợ lớn nhất trong nhóm 6 ngân hàng phát triển với tỷ trọng 29%, tiếp theo lần lượt là ADB với tỷ lệ 23%, AFD chiếm 1,7% tổng vốn ODA cam kết cho vay lại.

### **2.2.2.2. Hiệu quả kinh tế xã hội của dự án sử dụng vốn ODA cho vay lại tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

#### **Thực trạng hiệu quả kinh tế xã hội theo tiêu chí đánh giá**

Giai đoạn 2012 - 2017, số lượng dự án sử dụng vốn ODA cho vay lại qua VDB hoàn thành là 98 dự án (năng lượng: 35, cấp thoát nước: 23, hạ tầng đô thị và giao thông vận tải: 26, công nghiệp: 6, khác: 8 dự án). Luận án thực hiện khảo sát 26 dự án ODA điển hình, phát phiếu điều tra 3 nhóm đối tượng là Ban quản lý dự án và chủ đầu tư (62 phiếu hợp lệ), người dân thụ hưởng (726 phiếu hợp lệ) và các doanh nghiệp trong khu vực dự án (309 phiếu hợp lệ). Nội dung khảo sát được tập trung vào đánh giá tính phù hợp; tính bền vững; hiệu quả KTXH của dự án ODA đối với địa phương và nền kinh tế. Đánh giá chung về mức độ hiệu quả KTXH mà dự án mang lại cho phát triển của các nhóm đối tượng được khảo sát theo bảng sau:

**Bảng 2.1: Đánh giá chung về mức độ hiệu quả xã hội của dự án**

TT	Nhóm đối tượng	“Hiệu quả cao” và “Hiệu quả”	Hiệu quả thấp và Không hiệu quả
1	Ban quản lý và Chủ đầu tư	76%	24%
2	Người dân thụ hưởng	39%	61%
3	Doanh nghiệp trong khu vực dự án	43%	57%

*Nguồn: Tác giả tổng hợp kết quả khảo sát*



### ***(1) Tính phù hợp và bền vững của dự án***

Các dự án ODA được khảo sát có tính phù hợp cao. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ cán bộ, người dân, DN đồng ý về tính phù hợp của dự án ODA là rất cao. Các dự án đầu tư bằng vốn ODA cho vay lại qua VDB có tính bền vững cao.

### ***(2) Tiến độ và chi phí thực hiện dự án***

Hầu hết các dự án ODA được khảo sát đều không đảm bảo tiến độ thời gian theo kế hoạch trong thuyết minh và báo cáo nghiên cứu khả thi. 89%/62 cán bộ đồng ý dự án bị điều chỉnh tổng mức đầu tư so với phê duyệt ban đầu với mức điều chỉnh tăng lên khá lớn, 36%/55 cho biết tổng mức điều chỉnh tăng trong khoảng 50 đến 100%, 29%/55 cán bộ đồng ý dự án bị điều chỉnh tổng mức tăng trên 100%.

### ***(3) Giá trị gia tăng và thặng dư xã hội***

Kết quả khảo sát các chỉ tiêu nhằm phân tích giá trị gia tăng thuần của dự án sử dụng vốn ODA do VDB cho vay lại cho thấy, phần lớn các dự án không đạt được mục tiêu đề ra theo thuyết minh trên các chỉ tiêu về lợi nhuận, doanh thu và sản lượng. Một số dự án đang nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN, không đảm bảo chi trả khoản chi phí lãi vay và nợ gốc cho cơ quan cho vay lại.

Giá trị gia tăng gián tiếp của dự án từ tăng thu nhập của nhóm người dân địa phương thụ hưởng là không cao. 61%/726 người thụ hưởng không ý kiến hoặc không đồng ý tác động của dự án làm thúc đẩy kinh tế hộ gia đình của địa phương; 55%/726 cho rằng dự án tác động rất ít hoặc không tác động đến tăng thu nhập cho người dân; 53%/726 không đồng ý dự án làm tăng giá nhà đất của địa phương. Đối với doanh nghiệp trong khu vực dự án, giá trị gia tăng gián tiếp được đánh giá khá cao.

### ***(4) Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động***

Kết quả khảo sát cho thấy, số lao động thường xuyên làm việc trong các dự án ODA là khá lớn, 21%/62 phiếu cho rằng dự án sử dụng thường xuyên trên 300 lao động; 32% đồng ý dự án sử dụng khoảng 200 đến 300 lao động. Phần lớn người lao động làm việc trong các dự án hài lòng về mức thu nhập (71%/62) để nâng cao chất lượng cuộc sống. Ý kiến về khả năng tạo thêm việc làm của dự án cũng nhận được sự đồng tình từ phía người dân thụ hưởng, 33%/726 cho rằng dự án tạo ra nhiều việc làm, 37%/726 đồng ý dự án có tạo thêm việc làm ở mức không nhiều,

83% người dân được hỏi đều cho rằng dự án đã làm tăng chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Khảo sát doanh nghiệp cũng cho thấy khả năng tạo thêm việc làm và thu nhập của dự án. 58%/309 ý kiến số lượng lao động DN sử dụng tăng thêm do mở rộng quy mô, địa bàn, 76% đồng tình dự án làm cải thiện thu nhập và tăng chất lượng cuộc sống của người lao động làm việc trong doanh nghiệp.

**(5) Các tiêu chí khác về hiệu quả xã hội**

Dự án ODA tác động đối với bảo vệ môi trường, an ninh trật tự và tăng cường quốc phòng cho địa phương và xã hội trên cả hai mặt tích cực và tiêu cực.

- Điều kiện hệ sinh thái và ô nhiễm môi trường.
- Giá trị truyền thống văn hóa và phát triển du lịch.
- Kết nối địa phương với các khu vực kinh tế.
- Đóng góp vào thực hiện mục tiêu phân phối thu nhập.

**Thực trạng hiệu quả kinh tế xã hội theo lĩnh vực sử dụng vốn ODA**

**(1) Các dự án ODA thuộc lĩnh vực cấp thoát nước**

Các dự án lĩnh vực cấp thoát nước do VDB cho vay lại vốn ODA thuộc các nguồn vốn vay của ADB, WB, Phần Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đan Mạch, Hà Lan, Italia, Đức,... với tổng vốn vay ODA là 2.040,8 triệu USD. Nhiều dự án thực hiện khá thành công, góp phần thúc đẩy phát triển KTXH. Bên cạnh đó, vẫn còn một số dự án không phát huy hiệu quả như mục tiêu, tỷ lệ thất thoát nước lớn hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết với VDB, phát sinh nợ quá hạn.

**(2) Các dự án ODA thuộc lĩnh vực năng lượng**

Trong lĩnh vực năng lượng, VDB hiện quản lý 150 dự án ODA cho vay lại, số vốn theo hợp đồng tín dụng 6.355,6 triệu USD, dư nợ tương đương 68.742 tỷ đồng, thuộc nguồn vốn vay của WB, ADB, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Bỉ, NIB, Thủy Điện, Phần Lan... Các dự án góp phần cung cấp cho nền kinh tế hàng tỷ KWh điện; cải tạo nâng cấp chiều dài đường điện; xây mới và nâng cấp nhiều nhà máy thủy điện, nhiệt điện và điện gió với công suất lớn; giảm tỷ lệ tổn thất điện năng. Một số dự án ODA không đạt được mục tiêu ban đầu đề ra. Một số dự án đã phá vỡ cảnh quan, môi trường của địa phương và làm giảm chất lượng sống của người dân.

*(3) Các dự án ODA thuộc lĩnh vực hạ tầng đô thị và giao thông*

VDB hiện đang quản lý 86 dự án sử dụng vốn ODA vay lại thuộc các nguồn vốn Đức, ADB, WB, Pháp, Đan Mạch và JBIC... Tổng số vốn cho vay lại khoảng 3.791,3 triệu USD, dư nợ tương đương 58.437 tỷ đồng. Đây là những dự án có vốn đầu tư lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế xã hội của vùng, miền và địa phương được đầu tư.

*(4) Các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, môi trường, nông nghiệp...*

Phần lớn các dự án ODA sử dụng vốn ODA vay lại tại VDB thuộc các lĩnh vực như công nghiệp, vệ sinh, môi trường, bưu chính viễn thông, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản... đang phát huy hiệu quả, góp phần cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế để phát triển bền vững.

## 2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

### 2.3.1. Kết quả đạt được

- *Thứ nhất*, vốn ODA cho vay lại tại VDB từng bước được sử dụng đúng mục đích để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

- *Thứ hai*, quy mô cho vay lại vốn ODA tại VDB tăng trưởng trong điều kiện thu hút từ nhà tài trợ giảm.

- *Thứ ba*, chất lượng cho vay lại vốn ODA tại VDB được đảm bảo, cơ bản tuân thủ các tỷ lệ theo quy định, tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu thấp.

- *Thứ tư*, cho vay lại vốn ODA đã tạo ra nguồn thu nhập khá tốt để bù đắp chi phí hoạt động của VDB.

### 2.3.2. Hạn chế

*Thứ nhất*, Đầu tư bằng vốn ODA cho vay lại tại VDB đã tốt hơn trước, nhưng hiệu quả kinh tế xã hội vẫn chưa cao.

*Thứ hai*, Quy mô cho vay lại vốn ODA đang có xu hướng giảm.

*Thứ ba*, Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu có xu hướng tăng.

*Thứ tư*, Thặng dư từ hoạt động cho vay lại vốn ODA giảm sút hàng năm.

### 2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế

#### *Nguyên nhân khách quan*

*Thứ nhất*, Cơ chế cho vay lại vốn ODA còn nhiều bất cập.

*Thứ hai*, Chưa có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả xã hội đối với dự án đầu tư bằng vốn ODA cho vay lại.

*Thứ ba*, Quy định về tài sản BĐTV gây khó khăn cho TCTD.

*Thứ tư*, Thời gian quyết định giải pháp xử lý nợ xấu của cơ quan có thẩm quyền chậm, dẫn đến nợ xấu bị tồn đọng kéo dài

*Thứ năm*, Năng lực sử dụng vốn ODA của chủ đầu tư còn hạn chế.

#### **Nguyên nhân chủ quan**

*Thứ nhất*, Tổ chức cho vay lại vốn ODA tại VDB vẫn còn một số bất cập.

*Thứ hai*, Đội ngũ kiểm tra, giám sát dự án ODA thiếu chuyên nghiệp.

*Thứ ba*, Năng lực chuyên môn của một số cán bộ thực hiện cho vay lại vốn ODA chưa đáp ứng được yêu cầu.

*Thứ tư*, Hệ thống thông tin chưa được tổ chức chuyên nghiệp.

*Thứ năm*, Hạ tầng công nghệ còn yếu kém.

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

#### **3.1. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

##### **3.1.1. Định hướng chiến lược của Ngân hàng phát triển Việt Nam**

Phát triển VDB trở thành ngân hàng chính sách theo hướng bền vững và hiệu quả; đảm bảo đủ năng lực để thực hiện chính sách tín dụng của Nhà nước; góp phần thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển KTXD của đất nước.

##### **3.1.2. Quan điểm nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại VDB**

*Thứ nhất*, nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA hướng tới thực hiện mục tiêu tái cơ cấu hoạt động và tự chủ tài chính của VDB

*Thứ hai*, phải gắn liền với quan điểm phát triển kinh tế xã hội và định hướng sử dụng vốn ODA của Nhà nước.

*Thứ ba*, cho vay lại vốn ODA phải hướng đến mục tiêu đảm bảo hiệu quả kinh tế xã hội của các dự án đầu tư.

### **3.1.3. Định hướng nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại VDB**

*Thứ nhất*, rà soát lại các chính sách quy định đã ban hành nhưng chưa đồng bộ.

*Thứ hai*, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động và kết quả.

*Thứ ba*, tăng cường công tác quản lý cho vay lại vốn ODA.

*Thứ tư*, hoàn thiện và hiện đại hóa các nghiệp vụ trong quy trình cho vay lại.

*Thứ năm*, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của ngân hàng.

*Thứ sáu*, tạo lập bộ máy thống nhất, hoạt động có hiệu quả.

## **3.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

### **3.2.1. Đảm bảo vốn ODA được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả**

*Thứ nhất*, Hoàn thiện quy định về giám sát sử dụng vốn ODA

Các quy định về kiểm tra, giám sát mục đích sử dụng vốn ODA đối với các dự án cần phải giải quyết được các vấn đề:

- Kiểm soát trong khâu giải ngân.
- Kiểm soát thông qua hồ sơ của chủ đầu tư.
- Quy định việc thực hiện chế độ kiểm tra tình hình sử dụng vốn ODA định kỳ hàng tháng, kết hợp với kiểm tra đột xuất đối với các dự án đầu tư có phát sinh nợ quá hạn.
- Quy định trách nhiệm của cán bộ tín dụng trong trường hợp không đảm bảo giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay của chủ đầu tư dự án.

*Thứ hai*, Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát tại các dự án.

Đây là một trong số những nội dung quan trọng của quản lý tín dụng của các ngân hàng. Quá trình kiểm tra giám sát sau giải ngân nên hình thành một số chỉ tiêu cụ thể cho từng loại dự án, từng ngành nghề. Các chỉ tiêu như quy mô, địa điểm của dự án, tiến độ của dự án và hiệu quả của dự án.

*Thứ ba*, Tăng cường hiệu lực của bộ máy giám sát

Tổ chức bộ máy giám sát mục đích sử dụng vốn ODA của các dự án đầu tư ngoài bộ phận tín dụng cần phải có sự tham gia của các bộ phận khác, đặc biệt là phòng Kiểm tra nội bộ nhằm nâng cao tính khách quan của việc kiểm tra. Thực hiện kiểm tra các khâu trong quá trình cho vay giúp VDB phát hiện sớm những sai sót để kịp thời chấn chỉnh, hạn chế rủi ro, qua đó nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA. VDB cần thực hiện kiểm tra đột xuất thay vì kiểm tra theo kế hoạch.

*Thứ tư, Sử dụng thông tin bên ngoài trong hoạt động kiểm soát*

VDB cần chú trọng nhiều hơn đến thông tin thu thập từ các bên liên quan để đảm bảo đánh giá khách quan mục đích sử dụng vốn và hiệu quả của dự án. Nguồn thông tin bên ngoài thu thập để kiểm tra, giám sát sử dụng vốn của dự án ODA bao gồm: Báo cáo giám sát của Quốc hội về sử dụng vốn vay nước ngoài (trong đó chủ yếu là vốn ODA); Báo cáo đánh giá sau dự án của các chủ thể có liên quan đến dự án sử dụng vốn ODA; Thông tin từ các đối tượng hưởng thụ lợi ích từ dự án ODA.

### **3.2.2. Nâng cao hiệu quả công tác thu hồi nợ khoản ODA cho vay lại**

*Thứ nhất, thường xuyên đối chiếu và cảnh báo nợ tới chủ đầu tư*

- Lập kế hoạch thu nợ chi tiết, cụ thể theo từng khoản vay, từng lần vay, từng dự án ODA căn cứ vào hợp đồng cho vay lại vốn ODA.

- Phân tích, đánh giá cụ thể từng chủ đầu tư dự án về khả năng thu hồi nợ khoản vay ODA đến hạn.

- Định kỳ hàng tháng (hàng quý) gửi biên bản đối chiếu và xác nhận nợ và cảnh báo cho chủ đầu tư về khả năng thu hồi nợ gốc, lãi và phí quản lý.

*Thứ hai, đẩy mạnh xử lý nợ quá hạn*

Để giảm thiểu tổn thất về tài sản, đồng thời lành mạnh hóa tình hình tài chính, VDB cần đẩy mạnh triển khai thực hiện các biện pháp xử lý nợ quá hạn.

*Thứ ba, Hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm về nợ quá hạn*

Hoàn thiện trên cơ sở phát triển hệ thống tự động sàng lọc và phân loại thông tin đầu vào, mở rộng khả năng và tốc độ xử lý dữ liệu. Sàng lọc thông tin theo 2 cấp độ: (1) dựa trên thông tin từ kho dữ liệu chủ đầu tư, hệ thống Xếp hạng tín dụng nội bộ và hệ thống Quản lý rủi ro; (2) dựa trên kết quả điều tra thông tin về hoạt động kinh doanh của chủ đầu tư và các nguồn thông tin đáng tin cậy từ bên ngoài.

### **3.2.3. Tăng cường quản lý rủi ro cho vay lại vốn ODA**

*Thứ nhất, Tổ chức bộ máy quản lý rủi ro cho vay lại vốn ODA*

VDB cần phải xây dựng cho mình bộ máy QLRR phù hợp với thông lệ để tham mưu cho các cấp lãnh đạo thực hiện các quy định về QLRR trong hoạt động cho vay lại vốn ODA.

*Thứ hai, Xác định mô hình quản lý rủi ro cho vay lại vốn ODA*

Tác giả cho rằng VDB cần áp dụng theo mô hình QLRR tập trung kết hợp với đo lường định lượng và kiểm soát kép. Việc áp dụng mô hình QLRR này giúp VDB

đáp ứng được yêu cầu về QLRR theo thông lệ quốc tế và đảm bảo sự an toàn của hoạt động cho vay lại vốn ODA, hoạt động tín dụng, cũng như giúp VDB nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro cho vay lại vốn ODA.

*Thứ ba, Phân loại nợ trên cơ sở định hạng rủi ro của khoản vay*

VDB cần căn cứ vào hệ thống tiêu chuẩn, định mức để đánh giá mức độ rủi ro của các khoản vay, trên cơ sở đó phân loại các khoản nợ vào các nhóm nợ thích hợp. VDB cần thực hiện phân loại nợ khoản vốn ODA cho vay lại định kỳ hàng quý. VDB cần xây dựng cơ chế kiểm tra thường xuyên đối với các dự án ODA có phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu.

*Thứ tư, Trích lập quỹ dự phòng phù hợp với mức độ rủi ro*

Đối với hình thức VDB chịu RRTD, cần trích lập dự phòng RRTD dựa trên việc phân loại nợ, để phản ánh đúng mức độ rủi ro của khoản vay, hạn chế những tổn thất do rủi ro gây ra. VDB cần xác định mức trích lập dự phòng cụ thể dựa trên kết quả phân loại khoản vay theo tỷ lệ do NHNN quy định. VDB kiến nghị với Chính phủ quyền chủ động trong việc trích lập dự phòng rủi ro cho vay lại vốn ODA.

*Thứ năm, Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ quản lý rủi ro*

Hệ thống thông tin hỗ trợ QLRR phải được xây dựng để đảm bảo cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về hoạt động tín dụng một cách đầy đủ, rõ ràng, chính xác và thường xuyên cập nhật nhằm giúp cho công tác quản lý được tiến hành có hiệu quả và hạn chế các tổn thất do tình trạng thiếu thông tin. Bao gồm: Thông tin có tính vĩ mô, định hướng; Thông tin phục vụ trực tiếp cho hoạt động quản lý rủi ro tín dụng.

### **3.2.4. Nâng cao hiệu quả tài chính đối với hoạt động cho vay lại vốn ODA**

*Thứ nhất,* Rà soát cắt giảm các chi phí không trọng yếu để tăng lợi nhuận. VDB cần thực hiện phương thức cải tiến liên tục, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận từ hoạt động cho vay lại vốn ODA, từ đó cắt giảm các chi phí không cần thiết để nâng cao kết quả tài chính.

*Thứ hai,* Mở rộng cho vay lại vốn ODA theo hình thức VDB chịu RRTD. VDB cần kiến nghị với Chính phủ về quan điểm chia sẻ rủi ro để mở rộng hình thức cho vay lại vốn ODA này.

*Thứ ba,* Đẩy mạnh hoạt động cho vay lại vốn ODA thông thường, VDB không chịu RRTD.

### **3.2.5. Nâng cao chất lượng thẩm định cho vay lại vốn ODA**

Để nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA thì VDB cần chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định dự án ODA trên cơ sở tổ chức lại bộ máy, hoàn thiện quy trình và nội dung thẩm định.

*Thứ nhất*, Tổ chức và quy trình thẩm định dự án ODA.

*Thứ hai*, Hoàn thiện các nội dung thẩm định hiệu quả kinh tế xã hội của dự án.

*Thứ ba*, Đánh giá rủi ro bằng phương pháp phân tích kịch bản.

*Thứ tư*, Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho công tác thẩm định.

*Thứ năm*, Thiết lập mạng lưới chuyên gia, tăng cường hợp tác trong thẩm định dự án ODA.

### **3.2.6. Các giải pháp hỗ trợ**

- Nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu của ngân hàng;
- Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ phục vụ công tác quản lý.

## **3.3. KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

### **3.3.1. Đối với Chính phủ**

*Thứ nhất*, hoàn thiện chính sách và thể chế cho vay lại vốn ODA.

*Thứ hai*, tập trung quản lý ODA cho vay lại thông qua ngân hàng chính sách.

*Thứ ba*, hoàn thiện cơ chế quản lý phù hợp đối với các dự án ODA.

*Thứ tư*, tăng cường công tác theo dõi và đánh giá sau dự án.

### **3.3.2. Đối với Bộ Tài chính**

*Thứ nhất*, Ban hành thông tư và các văn bản hướng dẫn cụ thể đánh giá hiệu quả xã hội của dự án sử dụng vốn ODA cho vay lại.

*Thứ hai*, Thường xuyên hướng dẫn VDB, các TCTD.

*Thứ ba*, Kịp thời ghi thu ghi chi, đối chiếu số liệu với TCTD, cũng như tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho dự án ODA.

### **3.3.3. Đối với Chủ dự án**

*Thứ nhất*, nâng cao năng lực và ý thức trong việc đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

*Thứ hai*, đảm bảo hiệu quả các khâu công tác trong quy trình dự án ODA.

*Thứ ba*, nâng cao năng lực quản lý, vận hành dự án ODA.



## KẾT LUẬN

Cho vay lại vốn ODA nhằm cung ứng cho nền kinh tế một lượng vốn đáng kể với nhiều ưu điểm để đầu tư cơ sở hạ tầng, các dự án trọng điểm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA giúp VDB tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tái cơ cấu hoạt động và đảm bảo tự chủ tài chính. Theo mục tiêu đặt ra, Luận án đã thực hiện được các nội dung sau:

- Hệ thống hóa và phân tích cơ sở lý luận khoa học về hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại các TCTD;

- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, rút ra bài học cho Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả cho vay lại ODA tại TCTD;

- Phân tích, luận giải và đánh giá thực trạng hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chỉ ra nguyên nhân của những tồn tại;

- Đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại VDB. Kiến nghị các điều kiện thực hiện giải pháp.

Tác giả hy vọng kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ đóng góp nhất định cả về phương diện lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

## DANH MỤC CÁC BÀI BÁO LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thị Lưu Tâm (2018), *Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay lại nguồn vốn ODA tại các tổ chức tín dụng*, Tạp chí Tài chính, số 685 tháng 7/2018, trang 7-10.
2. Trần Thị Lưu Tâm (2018), *Hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại ngân hàng Phát triển Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Tài chính, số 687 tháng 8/2018, trang 19-22.
3. Trần Thị Lưu Tâm (2018), *Hoàn thiện công tác thẩm định cho vay lại vốn ODA tại các tổ chức tín dụng*, Tạp chí Tài chính, số 695, tháng 12/2018, trang 18-21.

**Công trình được hoàn thành  
tại Học viện Tài chính**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS, TS. Tô Kim Ngọc  
2. TS. Đoàn Văn Thắng**

**Phản biện 1:** .....

.....

**Phản biện 2:** .....

.....

**Phản biện 3:** .....

.....

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án  
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính  
Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2019**

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Tài chính**